TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 27 - 03 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hường.

Bà Phạm Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh N.

- Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Y tỉnh N, mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số số 25/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Bá D**, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 10/10; con ông Dương Bá T và bà Dương Thị S (đều đã chết); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo có vợ: Phạm Thị L sinh năm 1966 chỗ ở hiện nay tổ dân phố số 2, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N; Bị cáo có 03 con: Con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, Tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn K sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1970 cùng trú tại tổ 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N.; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo có chồng

là Đỗ Đình H sinh năm 1987 chỗ ở hiện nay tổ 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N; Bị cáo có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: TDP số 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Dương Ngọc T, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

+ Chị Dương Thị O, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Dương Bá D – sinh năm 1964 trú tại: Tổ dân phố số 2, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N là giám đốc Công Ty TNHH Đúc mỹ nghệ B (gọi tắt là công ty B), địa chỉ: Tổ dân phố số 1, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 0600336481 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 17/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/06/2017. Ngành nghề kinh doanh: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí (nhôm, đồng, sắt, thép ....). Công ty làm thủ tục bổ nhiệm chị Dương Thị O, sinh năm 1992, (là con gái của D) trú tại Tổ dân phố số 2, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N làm kế toán của công ty. Công ty B là doanh nghiệp kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế theo tháng và dưới sự quản lý về thuế của Chi cục Thuế khu vực Ý Yên- Vụ Bản. Kê khai trên hệ thống khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử.

Khoảng đầu năm 2023 để phục vụ sản xuất của công ty B, D có thu mua nguyên liệu đầu vào của một số cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên không thể cung cấp hoá đơn GTGT. Để hợp thực được chứng từ thanh toán chi phí, hoá đơn GTGT đầu vào, D đã liên hệ với Dương Ngọc T, sinh năm 1986, trú tại: Tổ dân phố số 1, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N để mua hoá đơn GTGT đã ghi nội dung, nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo của công ty TNHH thương mại và

dịch vụ sản xuất cơ khí đúc H (gọi tắt là công ty H) do T trực tiếp thực hiện dưới danh nghĩa giám đốc Nguyễn Văn Qu. D đã mua của T các hoá đơn GTGT khống với giá 9% (*chín phần trăm*) trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên mỗi hóa đơn. Cách thức thực hiện mua bán hoá đơn diễn ra như sau: Khi có nhu cầu mua hoá đơn, D sẽ gửi thông tin hàng hóa giá tiền cụ thể từng sản phẩm gia công cho T, T căn cứ vào số liệu và thiết lập hợp đồng kinh tế hai bên, sau đó thiết lập hóa đơn điện tử theo đúng nhu cầu của D như một giao dịch có thật. Để thực hiện việc hợp thức hoá giao dịch qua ngân hàng: D thanh toán ủy nhiệm chi chuyển số tiền tương ứng với số tiền ghi trên hoá đơn vào tài khoản ngân hàng của Công ty H. Khi nhận được tiền, T sẽ rút hết tiền từ tài khoản công ty H rồi khấu trừ tiền % bán hóa đơn như thoả thuận còn lại trả cho D.

Từ ngày 30/06/2023 đến 29/07/2023 Dương Bá D đã mua của Dương Ngọc T tất cả 08 số hóa đơn GTGT, với tổng giá trị tiền hàng hóa trước thuế là: 5.604.500.000 đồng; mặt hàng ghi trên hoá đơn gồm: Mua thép phế liệu và thuê gia công hàng hóa, với mức thuế GTGT hàng hóa ghi trên hóa đơn là 10% nên tổng giá trị tiền thuế GTGT là: **560.450.000 đồng**; Tổng giá trị tiền thanh toán là: 6.164.950.000 đồng. Cụ thể:

STT	Ngày lập hóa đơn	Số hóa đơn	Tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Kỳ kê khai thuế theo tháng
1	30/06/2023	Số 06	472.000.000đ	47.200.000đ	06/2023
2	30/06/2023	Số 07	532.500.000đ	53.250.000đ	06/2023
3	10/07/2023	Số 09	689.000.000đ	68.900.000đ	07/2023
4	10/07/2023	Số 10	710.000.000đ	71.000.000đ	08/2023
5	10/07/2023	Số 11	590.000.000đ	59.000.000đ	07/2023
6	24/07/2023	Số 16	710.000.000đ	71.000.000đ	07/2023
7	24/07/2023	Số 17	1.062.000.000đ	106.200.000đ	07/2023
8	24/07/2023	Số 18	839.000.000đ	83.900.000đ	07/2023

D đã sử dụng 08 hoá đơn GTGT trên để kê khai khấu trừ thuế GTGT dịch vụ hàng hóa mua vào của Công ty B tại Chi cục Thuế Ý Yên- Vụ Bản vào tháng 6,7,8 năm 2023 mục đích làm giảm số thuế GTGT phải nộp là 509.795.617đồng như trên. Các Hợp đồng gia công; Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản đối chiếu công nợ: Đại diện Công ty TNHH đúc mỹ nghệ B ký kết là Dương Bá D, ký và đóng dấu với chức danh là Giám đốc Công ty.

Ngày 21/02/2025 Cục thuế tỉnh N kết luận: Căn cứ hồ sơ, tài liệu, mẫu vật của cơ quan CSĐT-Công an huyện Y cung cấp: Hành vi sử dụng 08 hoá đơn GTGT

không hợp pháp để kê khai khấu trừ và hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, làm giảm số tiền thuế phải nộp **509.795.617 đ** (*Năm trăm linh chín triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng*) của Công ty TNHH đúc mỹ nghệ B là hành vi "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội.

Vụ thứ hai: Nguyễn Thị H sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố số 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N là giám đốc Công ty TNHH cơ khí đúc và thương mại Ph (gọi tắt là công ty Ph) có MST: 0601247650 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 07/03/2023. Công ty Ph có văn phòng và xưởng sản xuất tại Tổ 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N, ngành nghề kinh doanh: Đúc sắt, thép. Vốn điều lệ công ty là: 5.000.000.000 đồng, ngoài Nguyễn Thị H còn có Nguyễn Văn Tr, trú tại: Tổ dân phố số 13, Thị Trấn L, huyện Y (em trai ruột của H) là thành viên góp vốn với số vốn góp là: 1.500.000.000 đồng. Kế toán của công ty là Nguyễn Thị Ng, trú tại Tổ dân phố số 13, Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N (là mẹ đẻ H). Công ty Ph là doanh nghiệp thực hiện việc kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) trên hệ thống khai thuế điện tử và nộp thuế theo quý và dưới sự quản lý về thuế của Chi cục Thuế khu vực Ý Yên- Vụ Bản. Khoảng đầu năm 2023 để phục vụ sản xuất của công ty Ph, H có thu mua nguyên liệu đầu vào của một số cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên không thể cung cấp hoá đơn GTGT đầu vào, H đã liên hệ với Dương Ngọc T để hỏi mua hoá đơn GTGT đã ghi nội dung, nhưng không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo của công ty H do T trực tiếp thực hiện dưới danh nghĩa giám đốc tên Nguyễn Văn Qu với giá: 7% (Bảy phần trăm) trên tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên mỗi hóa đơn. Cách thức thực hiện mua hoá đơn GTGT như sau: Khi có nhu cầu mua hoá đơn, H sẽ gửi thông tin hàng hóa giá tiền cụ thể từng sản phẩm gia công cho T, T căn cứ vào số liệu và thiết lập hợp đồng kinh tế hai bên, sau đó thiết lập hóa đơn điện tử theo đúng nhu cầu của H như một giao dịch có thật. Để thực hiện việc hợp thức hoá giao dịch qua ngân hàng: H thanh toán ủy nhiệm chi chuyển số tiền tương ứng với số tiền ghi trên hoá đơn vào tài khoản ngân hàng của Công ty H. Khi nhận được tiền, T sẽ rút hết tiền từ tài khoản công ty H rồi khấu trừ tiền % bán hóa đơn như thoả thuận còn lại trả cho H.

Ngày 15/06/2023 và ngày 17/07/2023 H đã mua của T 02 số hóa đơn GTGT tổng giá trị tiền ghi trên hoá đơn chưa tính thuế là: 1.340.130.500đ; mặt hàng ghi trên hoá đơn gồm: Mua sắt, thép phế liệu với mức thuế GTGT hàng hóa ghi trên hóa đơn là 10%: 134.013.050 đồng, Cụ thể:

STT	Ngày lập hóa đơn	Số hóa	Tiền trước thuế	Tiền thuế	Kỳ kê

		đơn		GTGT	khai thuế theo quý
1	15/06/2023	Số 01	900.085.000đ	90.008.500đ	02/2023
2	17/06/2023	Số 15	440.045.000đ	44.004.500đ	03/2023

Nguyễn Thị H đã sử dụng 02 số hóa đơn GTGT trên để kê khai khấu trừ thuế GTGT dịch vụ hàng hóa mua vào cho công ty Ph tại Chi cục Thuế Ý Yên - Vụ Bản vào tháng 6 năm 2023 mục đích làm giảm số thuế GTGT phải nộp là 134.013.000 đồng như trên. Các Hợp đồng mua bán; Biên bản giao nhận hàng hóa; Biên bản đối chiếu công nợ: Đại diện Công ty TNHH cơ khí đúc và thương mại Ph ký kết là Nguyễn Thị H, ký và đóng dấu với chức danh là Giám đốc Công ty.

Ngày 21/02/2025 Cục thuế tỉnh N kết luận: Căn cứ hồ sơ, tài liệu, mẫu vật của cơ quan CSĐT-Công an huyện Y cung cấp xác định: Hành vi sử dụng 02 hoá đơn GTGT không hợp pháp để kê khai khấu trừ và hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, làm giảm số tiền thuế phải nộp là 134.013.000 đồng của Công ty TNHH cơ khí đúc và thương mại Ph là hành vi "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội.

Ngày 21/02/2023 Cơ quan CSĐT-Công an huyện Y đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố đối với Nguyễn Thị H về hành vi "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự; khởi tố Dương Bá D về hành vi "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện kê khai điều chỉnh, bổ sung tờ khai thuế GTGT dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp và tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số 134.013.000 đồng tiền trốn thuế.

Tại giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và Dương Bá D đều đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số: 26/CTr - VKS- YY ngày 12/03/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh N truy tố Dương Bá D về tội "Trốn thuế" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Thị H về tội "Trốn thuế" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác nhận bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh N truy tố về tội "Trốn thuế" là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại phiên Toà, đại diện VKSND huyện Y trình bày quan điểm luận tội giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử về tội danh tuyên bố các bị cáo Dương Bá D, Nguyễn Thị H phạm tội "Trốn thuế".

Về hình phạt: Đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Bá D từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt bổ sung bằng tiền 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện kê khai điều chỉnh, bổ sung tờ khai thuế GTGT dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp và tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số 134.013.000 đồng tiền trốn thuế nên không đề nghị giải quyết. Bị cáo Dương Bá D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 509.795.617 đồng là tiền Công ty Bđã chiếm hưởng từ việc kê khai khấu trừ thuế từ hoá đơn GTGT bất hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và giải quyết vụ án, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2023, Nguyễn Thị H và Dương Bá D đã có hành vi mua hoá đơn GTGT trái phép của Công ty H mục đích về để kê khai khấu trừ thuế cho công ty của mình. Trong đó Nguyễn Thị H đã sử dụng 02 hoá đơn GTGT không hợp pháp hạch toán hàng hoá, dịch vụ đầu vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty Ph để kê khai khấu trừ thuế GTGT nhằm giảm số tiền thuế phải nộp gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là 134.013.000 đồng; Dương Bá D đã sử dụng 08 hoá đơn GTGT không hợp pháp hạch toán hàng hoá, dịch vụ đầu vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty Bđể kê khai khấu trừ thuế GTGT nhằm giảm số tiền thuế phải nộp, gây thiệt hại cho ngân sách

nhà nước số tiền: 509.795.617 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của nhà nước làm giảm thu ngân sách nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế; gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử thấy hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn thuế" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự đối với Dương Bá D và điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị H như Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh N truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo Dương Bá D được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương đồng thời áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng khoản 4 Điều 200; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Dương Bá D như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Về vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: 10 số hoá đơn GTGT cùng các tài liệu hợp đồng kinh tế được lưu giữ là vật chứng vụ án được chuyển cùng với hồ sơ vụ án vì vậy không đề cập xử lý.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện kê khai điều chỉnh, bổ sung tờ khai thuế GTGT dẫn đến tăng số thuế GTGT phải nộp và tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số 134.013.000 đồng tiền trốn thuế nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 509.795.617 đồng là tiền Công ty Bđã chiếm hưởng từ việc kê khai khấu trừ thuế từ hoá đơn GTGT bất hợp pháp do đó cần truy thu buộc bị cáo Dương Bá D phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Những vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với Dương Ngọc T là người bán hoá đơn cho Dương Bá D và Nguyễn Thị H, T đã bị Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh N xét xử về tội: "Mua bán trái phép hoá đơn" theo quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự.

Đối với Dương Thị O là người được bổ nhiệm là kế toán của Công ty Bá D, tuy nhiên O chỉ thực hiện nhiệm vụ kế toán khi D cung cấp các số liệu, D không nói cho O biết việc đã mua trái phép hoá đơn khống của công ty H để thực hiện việc kê khai, vì vậy Cơ quan CSĐT-Công an huyện Y không xử lý O về tội "Trốn thuế" là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn Tr là thành viên góp vốn của Công ty Ph, tuy nhiên Tr không tham gia sản xuất kinh doanh tại công ty. Trọng cũng không biết việc H đã mua hoá đơn trái pháp của công ty H để thực hiện việc kê khai khấu trừ thuế cho công ty. Vì vậy Cơ quan CSĐT-Công an huyện Y không đề cập xử lý Tr là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Ng là kế toán công ty Ph thành viên góp vốn của Công ty Ph, tuy nhiên tuy nhiên bà Ng chỉ thực hiện nhiệm vụ kế toán khi H cung cấp các số liệu, H không nói cho bà Ng biết việc đã mua trái phép hoá đơn khống của công ty H để thực hiện việc kê khai, vì vậy Cơ quan CSĐT-Công an huyện Y không xử lý bà Ng về tội "Trốn thuế" là có căn cứ.

Đối với Công ty TNHH đúc đồng Mỹ Nghệ B là một tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân và mục đích thực hiện các hoạt động thương mại, sản xuất, kinh doanh kiếm lợi nhuận. Trong vụ án này, Dương Bá D là giám đốc Công ty, có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại Công ty B là có căn cứ.

Đối với Công ty TNHH cơ khí đúc và Thương mại Ph là một tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân và mục đích thực hiện các hoạt động thương mại, sản xuất, kinh doanh kiếm lợi nhuận. Trong vụ án này, Nguyễn Thị H là chủ sở hữu Công ty, có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an

huyện Y không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là Công ty Ph có căn cứ.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Bá D; Nguyễn Thị H phạm tội "*Trốn thuế*".

2. Về hình phạt chính:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Bá D 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (*hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Bá D cho Ủy ban nhân dân Thị Trấn L, huyện Y, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 200; khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Dương Bá D 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu buộc bị cáo Dương Bá D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 509.795.617 đồng là tiền Công ty Bđã chiếm hưởng từ việc kê khai khấu trừ thuế từ hoá đơn GTGT bất hợp pháp.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc các bị cáo Dương Bá D; Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh, huyện Y;
- Công an tỉnh N ;
- T.H.A dân sự huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- UBND Thị Trấn L;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Minh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh, huyện Y;
- Công an tỉnh N ;
- T.H.A dân sự huyện Y;
- Bị cáo;
- UBND Thị Trấn L;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh